**Ôn Tập Lý Thuyết SQL - 3**

1. Chỉ ra phát biểu đúng về T-SQL (chọn 3)
   1. T-SQL có thể dùng để truy vấn dữ liệu trên nhiều bảng
   2. T-SQL không thể dùng để truy xuất dữ liệu
   3. T-SQL có tên gọi là Transact SQL
   4. T-SQL không dùng để tổng hợp dữ liệu
   5. T-SQL không thể dùng để kết hợp dữ liệu
2. Giả sử bạn có một bảng tên là SSC\_Result có các trường như student\_name, Marks, Sub, School\_Name. Viết câu truy vấn để hiển thị School\_Name và Marks của những sinh viên đạt điểm cao nhất trong môn Maths
   1. SELECT Marks(Max), School\_Name, Student\_Name FROM SSC\_Result WHERE sub = 'Maths' GROUP BY School\_Name
   2. SELECT MAX (Marks), School\_Name, Student\_Name FROM SSC\_Result WHERE sub = 'Maths' GROUP BY School\_Name
   3. SELECT MAX (Marks), School\_Name FROM SSC\_Result WHERE sub = 'Maths' GROUP BY School\_Name
3. Giả sử bạn có một bảng tên là A, trong bảng đó có trường tên là ‘xyz’ với kiểu dữ liệu là int. Giá trị của tất cả các trường trong một bản ghi của bảng đó phải là giá trị số nguyên
   1. Đúng
   2. Sai
4. Giả sử có bảng student\_details với các trường Student\_Code, Student\_Name, Student\_Address, tất cả các trường trừ Student\_Code đều có thể nhận giá trị null. Tạo khóa chính cho bảng trên. (chọn 2)
   1. ALTER TABLE student\_details

ADD Primary\_key (Student\_code)

* 1. ALTER TABLE student\_details

ADD CONSTRAINT std\_con Primary\_key Student\_code

* 1. ALTER TABLE student\_details

ADD CONSTRAINT std\_con Primary\_key (Student\_code)

* 1. ALTER TABLE student\_details

1. Mô hình CSDL mà một bảng con có nhiều bảng cha thuộc loại \_\_\_\_\_\_
   1. Mô hình CSDL Flat-file (Flat-file Database model)
   2. Mô hình CSDL mạng (Network Systems Database Model)
   3. Mô hình CSDL phân cấp (Hierarchical Database Model)
2. Sự chính xác của dữ liệu được đảm bảo bởi \_\_\_\_\_\_
   1. Indexing
   2. Toàn vẹn dữ liệu
   3. Các bảng được quan hệ
   4. Loại bỏ các giá trị trùng nhau
3. Các bản ghi được lọc sử dụng mệnh đề \_\_\_\_\_(Chọn 1)
   1. AS
   2. TOP
   3. WHERE
   4. SELECT
4. Dữ liệu trong trường khóa chính phải được thay đổi thường xuyên để đảm bảo tính phân biệt của bản ghi (identity of the row).
   1. Đúng
   2. Sai
5. Tìm ra phát biểu đúng

Phát biểu 1 – Bảng được tạo ra để lưu trữ thực thể

Phát biểu 2 – Các trường được tạo ra để thể hiện các thuộc tính của thực thể.

* 1. Không có phát biểu nào đúng
  2. Phát biểu 1 là đúng
  3. Cả hai phát biểu đều đúng
  4. Phát biểu 2 là đúng

1. Khi một bảng đã có khóa chính, nếu ta muốn thực hiện thay đổi trên khóa chính đó, phải thực hiện theo các bước nào
   1. Chỉ thay đổi trên khóa chính đó
   2. Xóa khóa chính rồi tạo lại
   3. Tạo thêm một khóa chính nữa
2. Tìm ra phát biểu đúng về toàn vẹn tham chiếu (chọn 2)
   1. Toàn vẹn tham chiếu không đảm bảo tính nhất quán về giá trị của trường khóa trong các bảng
   2. Toàn vẹn tham chiếu đảm bảo khi giá trị của trường khóa bị thay đổi, tất cả các tham chiếu đến nó cũng được thay đổi theo
   3. Toàn vẹn tham chiếu đảm bảo mối quan hệ giứa các bảng không bị mất khi thao tác trên các bản ghi của chúng
3. Trigger cập nhập(update) mức bảng được kích hoạt khi\_\_\_\_\_\_\_ (chọn 2)
   1. Dữ liệu trong bảng ‘inserted’ được cập nhật (update)
   2. Dữ liệu trong một cột của bảng liên quan được cập nhật (update)
   3. Bản ghi mới được thêm(insert) vào bảng liên quan
   4. Dữ liệu trong bảng liên quan quan được cập nhật(update)
4. Xác định cú pháp đúng để tạo View
   1. CREATE VIEW view\_name [(column [,...n])]

[WITH ENCRYPTION]

* 1. CREATE VIEW view\_name [(column [,...n])]

[WITH ENCRYPTION]

AS

select\_statement

[WITH CHECK OPTION]

* 1. CREATE VIEW <view\_name> ON <Select statement>
  2. CREATE VIEW <view\_name> ON <Table\_Name>

1. Xác định cú pháp đúng để thiết lập thuộc tính IDENTITY (chọn 1)
   1. Column\_Name IDENTITY (SEED, INCREMENT)
   2. Column\_Name IDENTITY
   3. Column\_Name Data Type IDENTITY (SEED, INCREMENT)
   4. Column\_Name Data Type IDENTITY (INCREMENT)
2. Những câu lệnh nào không thuộc ngôn ngữ DDL (chọn 2)
   1. CREATE
   2. DROP
   3. DELETE
   4. INSERT
   5. ALTER
3. Sau khi tạo xong CSDL và trước khi tạo bất kì bảng nào, người dùng phải tạo tất cả các bảng hệ thống để có thể thực hiện các thao tác liên quan đến xử lí giao dịch
   1. Đúng
   2. Sai
4. Để cập nhật dữ liệu ở mức độ trường, câu lệnh nào dưới đây được sử dụng
   1. UPDATE Column\_name
   2. UPDATE Column\_name = Value
   3. UPDATE Table\_name SET (Column\_name = Value)
   4. Column\_name UPDATE
   5. UPDATE Table\_name, Column\_name, Value
5. Câu lệnh nào giúp chúng ta lấy 50 phần trăm dữ liệu ở phía trên cùng (top) của bảng Customer
   1. SELECT TOP 50 percent CustomerID FROM Customer
   2. SELECT TOP 50 percent \* FROM Customer
   3. SELECT \* FROM Customer TOP 50 percent
   4. SELECT TOP 50 percent FROM Customer
   5. SELECT \* TOP 50 percent FROM Customer
6. Những phát biểu nào sau đây là đúng về việc chỉnh sửa dữ liệu thông qua view (chọn 2)
   1. Trong danh sách cột của view không có cột dẫn xuất (là cột được tạo ra từ một biểu thức tính toán)
   2. Sự cập nhật chỉ có thể tiến hành trong các cột được lấy từ một bảng.
   3. Không thể cập nhật dữ liệu trong các cột tính toán, thống kê.
   4. Danh sách các cột của view có thể chứa các hàm tổng hợp (aggregate functions).
7. Mô hình CSDL mà một bảng con có nhiều bảng cha thuộc loại \_\_\_\_\_\_
   1. Mô hình CSDL phân cấp (Hierarchical Database Model)
   2. Mô hình CSDL mạng (Network Systems Database Model)
   3. Mô hình CSDL Flat-file (Flat-file Database model)